

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 430/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 11 – 2018

V/v ly hôn giữa
anh M và chị Th

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Súc
2. Ông Đặng Anh Doan

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Phú Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M – Sinh năm 1991 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 25, ấp Phú Mỹ H. xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: Số 673, ấp Ba, xã An Ph, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th – Sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 25, ấp Phú Mỹ H. xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 2009 qua mai mối anh và chị Nguyễn Thị Th đồng ý tiến tới hôn nhân, năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Ph, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày

04/7/2011. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 10/2017 phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, dẫn đến vợ chồng cự cãi, chị Th bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, từ tháng 10/2017 đến nay vợ chồng ly thân. Nay anh không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh Th, sinh ngày 30/5/2011, hiện nay chị Th đang nuôi, do chị Th không đến Tòa án tham gia tố tụng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nếu sau này có yêu cầu thì anh sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- Về chia tài sản: Anh M không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

Theo anh M trình bày mâu thuẫn vợ chồng có ông nội vợ tên Nguyễn Văn S và mẹ ruột tên Nguyễn Thị Th(a) biết, đề nghị Tòa án xác minh. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh M và chị Th, được ông S cho biết ông là ông nội của Th, vợ chồng Th - M ở nhà cha mẹ ruột của Th (cập vách nhà ông), vợ chồng sống rất hạnh phúc, khoảng tháng 10/2017 nghe vợ chồng vỡ nợ, Th bỏ đi làm ở tỉnh Bình Dương, còn M về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Đồng Tháp, từ khi ly thân đến nay cha mẹ hai bên không hàn gắn, vợ chồng cũng không gặp mặt, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Th(a) là mẹ ruột của anh M cho biết, sau khi thành vợ chồng M – Th sống chung với bà, năm 2013 vợ chồng M về quê Th sinh sống, tháng 10/2017 anh M cho bà biết vợ chồng ly thân do không tin tưởng nhau về tiền bạc và cự cãi, thời gian ly thân cha mẹ hai bên có hàn gắn nhưng không được, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng M – Th không còn, bà đề nghị Tòa án cho anh M ly hôn với chị Th.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, riêng chị Nguyễn Thị Th là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy chị Thùy chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa anh M và chị Th có đăng ký kết hôn theo luật định, vợ chồng có thời gian ly thân, không hàn gắn, anh M xin ly hôn là có căn cứ; về con chung và chia tài sản anh M không yêu cầu giải quyết nên không đề cập; về nợ chung anh M khai không có, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Anh Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Th Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị Th (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị Th.

[3] Về nội dung:

[4] Hôn nhân của anh Minh và chị Th là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn và ly thân từ năm 2017 đến nay, do không tin tưởng về tiền bạc, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không hàn gắn. Từ đó, cho thấy hôn nhân của anh M và chị Th lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Minh và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa anh M và chị Th.

[5] Về nuôi con chung: Anh M không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia tài sản: Anh M không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về nợ: Ghi nhận anh M xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án anh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Th.

2. Về nuôi con chung: Không đề cập.

3. Về chia tài sản: Không đề cập.

Về nợ: Ghi nhận anh M xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0016874 ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Anh Nguyễn văn M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- UBND xã An Phong, H.Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Lưu.

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương